

HOÀNG THỊ LAN*

MỘT SỐ CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam có đời sống tín ngưỡng vô cùng phong phú. Về cơ bản, đa số các cộng đồng này đều có truyền thống tín ngưỡng đa thần. Những thập niên gần đây, do sự tác động của nhiều yếu tố, đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có sự chuyển biến lớn cả trong niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống. Bài viết khái quát các loại hình tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số và một số chuyển biến trong niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống của các tộc người trên ba biểu hiện cơ bản: Phai nhạt niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống; tiếp biến yếu tố tín ngưỡng ngoại lai và sự biến động những người hành nghề tín ngưỡng truyền thống.

Từ khóa: Tín ngưỡng, biến đổi đời sống tín ngưỡng, dân tộc thiểu số, Việt Nam

Dẫn nhập

Nghiên cứu về đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã có một số công trình chuyên biệt của các nhà nghiên cứu. Nguyễn Thị Yên trong *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng* [Nguyễn Thị Yên, 2009] đã đề cập đến một số hình thức tín ngưỡng của người Tày, Nùng; những biến đổi của văn hoá tín ngưỡng, hiện trạng đời sống sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng và vai trò của tín ngưỡng trong đời sống của người Tày, Nùng hiện nay. Nguyễn Văn Minh trong *Tôn giáo tín ngưỡng của người Ve ở Việt Nam* [Nguyễn Văn Minh, 2009] đã đề cập đến các hình thức tín ngưỡng, nghi lễ, tập quán, phong tục của người Ve ở Việt Nam qua các hoạt động nghi lễ như đâm trâu, thần phán... Vương Duy Quang trong cuốn *Văn hóa tâm linh của người HMông ở Việt Nam - truyền thống và hiện đại* [Vương Duy Quang, 2005] đã đề

* Viện Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 01/11/2024; Ngày biên tập: 25/11/2024; Duyệt đăng: 12/2/2025.

cập đến những sinh hoạt văn hóa tâm linh truyền thống của người Hmông ở Việt Nam; những biến đổi trong văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam hiện nay và chỉ ra những vấn đề đặt ra cần phải quan tâm giải quyết trong đời sống tín ngưỡng của người Hmông. Tác giả Nguyễn Thị Kim Vân trong *Tín ngưỡng và tôn giáo của dân tộc Bahna, Jrai* [Nguyễn Thị Kim Vân, 2013], đã đề cập đến các hình thức tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc Ba na và dân tộc Gia rai; những biến đổi trong đời sống tín ngưỡng của hai dân tộc này dưới tác động của Công giáo và đạo Tin Lành. Trong cuốn *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay* [Hoàng Thị Lan chủ biên, 2021] đã đề cập đến một số loại hình tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và những biến đổi trong niềm tin, thực hành tín ngưỡng ở một số tộc người thiểu số hiện nay. Trần Văn Bính và các tác giả trong ba công trình gồm: *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*; *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*; *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ: Thực trạng và những vấn đề đặt ra* [Trần Văn Bính chủ biên, 2004] đã đề cập đến một số tín ngưỡng, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số ở các khu vực nói trên; đồng thời đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Phạm Đăng Hiên và Nguyễn Văn Minh trong công trình *Biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo và những tác động của nó tới đời sống của người Dao tỉnh Hà Giang* [Phạm Đăng Hiên, Nguyễn Văn Minh, 2007] đã đề cập đến một số tín ngưỡng của người Dao, những biến đổi và tác động của những biến đổi đó đối với đời sống xã hội của người Dao. Tác giả Lê Văn Lợi trong công trình *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện nay* [Lê Văn Lợi, 2017] đã đề cập đến các hình thức tín ngưỡng và giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc; đánh giá thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số trong thời gian qua. Nguyễn Ngọc Mai trong nghiên cứu *Biến đổi tôn giáo truyền thống trong phát triển bền vững ở Việt Nam* [Nguyễn Ngọc Mai, 2018] đã đề cập đến những biến đổi trong sinh hoạt tín ngưỡng và tác động của nó đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Riêng nhóm nghiên cứu tín ngưỡng vòng đời người có các công trình chuyên khảo như: *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở*

Ninh Thuận [Phan Quốc Anh, 2006] đã đề cập đến những kiêng kỵ và nghi lễ theo suốt vòng đời của người Chăm theo đạo Bàlamôn ở Ninh Thuận, theo các giai đoạn: sinh nở, trưởng thành, giai đoạn tang ma; đồng thời, đề xuất những định hướng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Chăm qua các nghi lễ vòng đời. Tác giả Nguyễn Thị Song Hà trong cuốn *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình* [Nguyễn Thị Song Hà, 2011] đã đề cập đến các nghi lễ trong hôn nhân, sinh đẻ, nuôi dạy con cái và trong tang ma của người Mường; đồng thời đề cập đến một số biến đổi trong các nghi lễ đó hiện nay và chỉ ra nguyên nhân của sự biến đổi đó. Tác giả Nguyễn Xuân Phước trong *Nghi lễ đời người của người Jrai Tbuăn* [Nguyễn Xuân Phước, 2011] đã đề cập đến những kiêng kỵ và nghi lễ của người Jrai Tbuăn trong các giai đoạn sinh nở, trưởng thành, tang ma; chỉ ra những giá trị văn hóa và ảnh hưởng của những giá trị đó trong đời sống của người dân và đề xuất các giải pháp để bảo tồn những giá trị văn hóa đó.

Bên cạnh các công trình chuyên biệt nêu trên, thời gian qua, có khá nhiều các bài viết trên các tạp chí đã đề cập đến một hoặc một số hình thức tín ngưỡng của một số dân tộc cũng như vai trò/tác động của chúng đối với đời sống xã hội của các dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở kế thừa các công trình đã có, bài viết phân tích, đánh giá các loại hình tín ngưỡng và chỉ ra một số chuyển biến trong đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

1. Khái quát về tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia đa tộc người. Theo số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số của Việt Nam là 96.208.984 người. Ở Việt Nam có 54 tộc người, trong đó, dân tộc Kinh (dân tộc đa số) có 82,1 triệu người (chiếm 85,3% tổng dân số cả nước), 53 dân tộc thiểu số (dân tộc ít người) có 14,1 triệu người, (chiếm 14,7% tổng dân số cả nước) [Ủy Ban Dân tộc – Tổng cục thống kê, 2019: 53]. Đa số các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa suốt dọc biên giới phía Bắc và phía Tây của đất nước. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam về cơ bản đều có truyền thống tin và thực hành niềm tin tín ngưỡng đa thần (trừ một số nhóm theo Islam giáo, Công giáo và đạo Tin Lành từ lâu trong lịch sử). Những thập niên gần đây, do sự tác động của nhiều yếu tố, đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có nhiều chuyển biến lớn cả trong niềm tin và thực hành.

Khu vực miền núi phía Bắc và khu vực Bắc Trung bộ có hơn 30 dân tộc thiểu số cư trú tập trung ổn định. Các dân tộc thiểu số có dân số đông ở khu vực này gồm: Hmông, Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao. Nhìn chung, các dân tộc này có hệ thống tín ngưỡng khá phong phú, với các loại hình như: thờ cúng tổ tiên (trong các tộc người Hmông, Mường, Dao, Tày, Nùng, Thái,...); thờ thần bản mường (người Mường thờ Tản Viên Sơn Thánh, Quốc mẫu Vua Bà; người Thái thờ ma (*phi*) bản mường; người Tày thờ Cốc bản, Phan Phia Tiên, Mường Pha Hán, Tiên chúa Ngọc Càn,...); thờ thần rừng, thần đất, thần sông suối (rất phổ biến trong hầu hết các tộc người ở khu vực này) và hệ thống nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp và vòng đời với rất nhiều yếu tố đặc sắc.

Khu vực Tây Nguyên hiện là địa bàn cư trú của 49 dân tộc, trong đó các dân tộc thiểu số có dân số đông gồm Ba na, Gia rai, Ê đê, đây là những tộc người có lịch sử tồn tại và phát triển lâu đời ở khu vực. Đặc trưng tín ngưỡng khá phổ biến của các tộc người này là có những quan niệm hết sức hồn nhiên, thô sơ về hệ thống thần linh với tín ngưỡng thờ “*Yang*” (thần). Người dân Tây Nguyên tôn thờ nhiều vị thần/Yang khác nhau như: thần sáng tạo (dân tộc Ba na, Brâu, Cơ ho, Ê đê,...); thần sấm, sét, thần mặt trời (dân tộc Ba na, Xơ đăng, Brâu,...); các vị thần rừng, thần núi, thần nước, thần sông, thần nhà, thần cửa, thần chiêm, ché,... Cùng với sự đa dạng của hệ thống thần linh, các tộc người ở Tây Nguyên còn có rất nhiều nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến mùa vụ sản xuất (theo suốt vòng đời cây lúa) và nghi lễ liên quan đến vòng đời người, trong đó nổi bật nhất là nghi lễ ăn lúa mới và nghi lễ bỏ mả.

Khu vực Nam Trung bộ hiện là nơi tập trung của các dân tộc thiểu số như Chăm, Raglay, Ê đê, Ba na, Cơ tu, Hrê,... Đời sống tín ngưỡng của các dân tộc này có nhiều đặc điểm giống với các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên. Riêng người Chăm hình thành bốn nhóm cộng đồng theo các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau gồm: nhóm theo truyền thống Bàlamôn, nhóm theo truyền thống Bani (Islam giáo cũ), nhóm theo Islam giáo mới, và một bộ phận người Chăm không theo tôn giáo, chỉ tin và thực hành các tín ngưỡng dân gian truyền thống (còn gọi là Chăm Hroi). Trừ các nhóm người Chăm theo Islam giáo, chỉ tôn thờ Thượng đế, các nhóm người Chăm còn lại có đời sống tín ngưỡng phong phú với rất nhiều vị thần được thờ phụng như: Brahma, Vishu, Shiva (các vị thần của Bàlamôn giáo); mẹ xứ sở Po Inur Nagar; các vị anh hùng dân

tộc như Po Klong Garai, Po Romé; các vị thần tự nhiên: Pô Yang patan (thần sét), Pô Yang chot (thần núi), Pô Yangla (thần nước), Pô Yang Sri (thần lúa) và thực hành tín ngưỡng thờ phụng tổ tiên.

Khu vực Nam bộ hiện cũng là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số như: Hoa, Khmer, Xtiêng, Chăm và một số ít người Tày, Nùng, Mnông, Chơ ro, Mạ. Các tộc người như Mnông, Xtiêng, Chơ ro có các hình thức tín ngưỡng giống như các nhóm tộc người này ở khu vực Tây Nguyên và Nam Trường Sơn. Các tộc người Tày, Nùng có đời sống tín ngưỡng giống như người Tày, Nùng ở miền núi phía Bắc. Người Chăm ở khu vực này đa phần theo Islam giáo, có một nhóm nhỏ người Chăm ở khu vực Đông Nam bộ theo Bàlamôn giáo. Người Hoa và người Khmer ngoài tin theo Phật giáo còn thực hành nhiều sinh hoạt tín ngưỡng như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần. Người Hoa thờ các vị Thánh Mẫu Thiên Hậu, Ngọc Hoàng, Táo Quân, Ông Bồn, Thổ Địa. Người Khmer có các vị thần như Brahma, Vishnu, Shiva (các vị thần của Bàlamôn giáo), Preah Chan (thần Mặt trăng), Preah Akki (thần Lửa), Preah Thorani (Mẹ Trái đất), Preah Kong Kea (thần Nước), Preah Vayu (thần Gió), và Neaktà (vị thần bảo hộ con người và phum sóc),...

Nhìn chung, đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Các loại hình tín ngưỡng của các cộng đồng thiểu số đã góp phần tạo nên những sắc thái văn hóa độc đáo của mỗi tộc người, đồng thời góp phần tạo nên sự đa dạng trong bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. Chuyển biến trong đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số hiện nay

Những thập niên gần đây, do sự tác động của nhiều yếu tố, đời sống tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số đang có những chuyển biến lớn trên nhiều mặt. Một số nhóm tộc người thiểu số đã từ bỏ niềm tin tín ngưỡng đa thần để tin theo các tôn giáo độc thần (Công giáo, đạo Tin Lành, Islam giáo). Do sự chi phối bởi những quy định của tôn giáo, đa phần các cộng đồng dân tộc chuyển đổi niềm tin nói trên, từ bỏ hoàn toàn những sinh hoạt tín ngưỡng, phong tục, tập quán truyền thống, gây đứt gãy giá trị văn hoá truyền thống của tộc người. Bên cạnh đó, một số nhóm người dân tộc thiểu số mặc dù đã tin theo tôn giáo (Phật giáo, đạo Cao Đài) nhưng vẫn giữ niềm tin và tham gia thực hành, ở những mức độ nhất định, những sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống, tuy nhiên niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống của những nhóm cộng đồng này cũng đã

ít nhiều phai nhạt. Còn những nhóm dân tộc thiểu số không theo tôn giáo thì về cơ bản vẫn duy trì những sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống, nhưng cũng đã có nhiều biến đổi cả về niềm tin và thực hành các nghi lễ tín ngưỡng. Chuyển biến trong đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số được thể hiện rõ nét qua những biểu hiện cơ bản sau:

2.1. Phai nhạt niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống

Trong bối cảnh xã hội mới, sự suy giảm niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống đang diễn ra ở hầu hết các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Một số nghiên cứu gần đây cho thấy, niềm tin của các dân tộc thiểu số vào các vị thần linh truyền thống đã có sự sụt giảm đáng kể [Nguyễn Ngọc Mai, 2018; Hoàng Thị Lan, 2021: 157-188]. Phần lớn người dân các tộc người thiểu số hiện nay đều ít còn giữ niềm tin vào sự linh thiêng của các vị thần tự nhiên như thần rừng, thần núi, thần sông, thần cây,... Ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số, có những vị thần trong truyền thống hiện nay chỉ còn lại trong kí ức mơ hồ của những người lớn tuổi.

Theo kết quả khảo sát của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện từ năm 2018-2020, với 850 phiếu khảo sát trong các cộng đồng dân tộc thiểu số còn giữ niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống ở miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ, kết quả thu được cho thấy: Hiện có 13,41 % số người được hỏi không tin vào sự phù trợ của tổ tiên (ma nhà), thủy tổ dân tộc; 27,76 % không tin vào sự phù trợ của các vị thần có công với dân tộc; 34,59 % không tin có thần bản mường, phum, sóc; 34,59 % không tin có các thần núi, thần rừng, thần sông; 48,59% không tin vào các vật linh thiêng khác [Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2020: 11].

Từ sự suy giảm niềm tin dẫn đến việc thực hành tín ngưỡng cũng có sự suy giảm lớn. Nhiều nghi lễ của các tộc người đang có chiều hướng được rút ngắn thời gian thực hành nghi lễ; một số nghi lễ bị bỏ qua, dần bị lãng quên và biến mất. Ở khu vực miền núi phía Bắc, các nghi lễ cúng ma, cúng thần rừng, thần sông, thần núi, thần cây,... đã không còn tồn tại ở một số bản làng. Khi ốm đau, bệnh tật hay khi sinh nở, đa phần người dân các tộc người thiểu số (trừ một số khu vực hẻo lánh) đã tìm đến các cơ sở y tế thay vì cầu cúng thần linh, gọi vía, cúng ma. Then chữa bệnh (nghi lễ tín ngưỡng phổ biến của người Tày), cúng gọi vía, gọi hồn khi đau ốm (khá phổ biến trong truyền thống của các dân tộc

Thái, Mường, Hmông) hiện nay chỉ còn được thực hiện bởi rất ít người dân ở khu vực vùng sâu, vùng xa. Số liệu khảo sát cho thấy, hiện nay khi ốm đau, chỉ có 21.34% người cầu cúng ma nhà, tổ tiên và 1.98% cầu xin thần bản mường và 8.3% cầu xin các vị thần khác phù hộ [Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2020: 253-254].

Ở khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, niềm tin và thực hành các nghi lễ tín ngưỡng thờ cúng các Yang theo truyền thống gần như đã biến mất trong các buôn làng theo đạo Tin Lành và Công giáo. Ở các các buôn làng không theo tôn giáo, do điều kiện sống và không gian sinh tồn có nhiều thay đổi nên niềm tin và sự thực hành tín ngưỡng thờ cúng các vị thần tự nhiên như: thần rừng, thần cây, thần sông, thần nước,... cũng dần phai nhạt. Cây Nêu, từ chỗ là biểu tượng thiêng liêng của thần linh, nơi thông quan giữa trời và đất trong truyền thống, giờ chỉ mang ý nghĩa như vật trang trí cho các lễ hội. Các vị thần tự nhiên phù trợ cho mùa màng trong truyền thống như: thần sấm, thần nước,... cũng không còn nhiều ý nghĩa. Do đó, nhiều nghi lễ trong sản xuất nông nghiệp (cúng bến nước, ăn lúa mới, cúng máng nước...) dần bị lãng quên, thậm chí biến mất ở nhiều nơi, hoặc còn được thực hiện ở một số địa phương nhưng đã bị tước bỏ nhiều công đoạn và chủ yếu được thực hành như một hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống hơn là mang ý nghĩa tín ngưỡng. Khảo sát tại khu vực Tây Nguyên cho thấy, chỉ có 8.27% số người dân tộc thiểu số được hỏi tin rằng các vị thần núi, thần rừng, thần sông không có thể phù hộ hay trừng phạt [Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2020: 283].

Ở khu vực Nam Trung bộ, nghi lễ tín ngưỡng của các dân tộc cũng có xu hướng giảm dần về số lượng lễ thức, quy mô tổ chức và thời gian thực hành. Nhiều vị thần trong truyền thống, đặc biệt là các vị thần tự nhiên như: thần giữ rừng trầm, rừng quế, thần tháp,... cũng đã dần bị lãng quên, thậm chí biến mất, một số vị thần trước đây khá phổ biến trong cộng đồng nhưng ngày nay không còn được nhắc đến. Một số nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp, nghi lễ vòng đời người vốn rất phổ biến trong truyền thống của người Chăm hiện nay đã không còn tồn tại. Nghi lễ bỏ mả của một số tộc người như Raglay, Ba na, Ê đê, Cơ tu cũng đang được giản lược hơn về lễ vật, nghi thức thực hành và rút ngắn hơn về thời gian tổ chức.

Ở khu vực Nam bộ, các tín ngưỡng liên quan đến sản xuất nông nghiệp của người Khmer đã bị mai một khá nhiều, một số nghi lễ tín ngưỡng đã gần như biến mất (cầu mưa), một số nghi lễ tuy còn được

thực hiện nhưng chỉ mang tính hình thức (xuống đồng), một số nghi lễ tín ngưỡng truyền thống tuy vẫn được duy trì nhưng tần suất thực hành cũng thưa dần.

Xu hướng suy giảm niềm tin và thực hành tín ngưỡng thể hiện rõ nét nhất trong tín ngưỡng vòng đời người, nhất là các nghi lễ cưới hỏi và tang ma của các dân tộc thiểu số. Trong nhiều vùng dân tộc thiểu số theo tôn giáo (Công giáo, đạo Tin Lành, Islam giáo) các nghi lễ cưới hỏi, tang ma được thực hiện hoàn toàn theo nghi lễ tôn giáo. Ở khu vực người dân còn giữ tín ngưỡng truyền thống, các nghi lễ tín ngưỡng vòng đời người cũng được tổ chức ngày càng đơn giản, gọn nhẹ hơn. Với người Thái, tang ma chỉ còn diễn ra trong một đêm thay vì ba đêm như truyền thống; với người Hmông, thời gian tổ chức đám tang chỉ còn từ hai đến ba ngày thay vì sáu đến bảy ngày, các nghi lễ treo xác chết trên vách nhà, bón cơm cho người chết... hầu như đã được bãi bỏ (chỉ còn được duy trì trong rất ít đám tang ở khu vực vùng sâu, vùng xa); tang lễ của người Mường cũng chỉ còn tổ chức từ một đến hai ngày thay vì năm đến bảy ngày như truyền thống.... Do đó, các bài mo, bài cúng trong nghi lễ tang ma của các dân tộc này cũng được giản lược rất nhiều. Ví dụ, trong người Mường, áng mo Kiện (áng mo mang đậm bản sắc và mật mã tộc người) hiện đã không còn được duy trì [xem: Nguyễn Ngọc Mai: 2018].

Ở khu vực Tây Nguyên, hiện nay các nghi lễ đặt tên, cầu sức khỏe,... dường như rất ít được quan tâm, các nghi lễ cưới hỏi, tang ma, lễ bỏ mả,... được tổ chức ngày càng đơn giản hơn. Hiện nay, do sống đan xen với người Kinh nên các nghi lễ và cách thức tổ chức cưới hỏi, tang ma của các dân tộc thiểu số ở khu vực này tiếp thu khá nhiều các nghi lễ tín ngưỡng của người Kinh, các nghi lễ cúng tế thần linh chỉ còn được thực hiện với hình thức chiếu lệ.

Trong các cộng đồng dân tộc thiểu số như Chăm (trừ nhóm theo Islam giáo), Khmer, Hoa, tuy các nghi lễ cưới hỏi, tang ma về cơ bản vẫn được thực hành theo nghi lễ truyền thống nhưng cũng đã rút ngắn hơn nhiều về thời gian và lược bỏ bớt một số khâu nhất định. Với người Khmer, cưới hỏi, tang ma hiện nay cơ bản vẫn có sự tham gia của sư tăng nhưng nghi lễ truyền thống đã được giản lược rất nhiều và sự hiện diện của sư tăng cũng thưa dần. Hiện nay, rất ít gia đình Khmer nhờ sư tăng chọn ngày tốt để tổ chức cưới hỏi, lễ cưới chủ yếu được tổ chức vào ngày cuối tuần để tiện cho công việc của gia đình và cộng đồng; một số nghi lễ trong đám cưới như: cắt tóc, rửa chân, động

phòng, cắt và rắc hoa cau,... đã bị bỏ qua hoặc chỉ thực hiện một cách chiếu lệ. Trong nghi lễ tang ma của người Khmer hiện nay, sự tăng cũng chỉ tham gia đọc kinh, cầu nguyện một đêm thay vì ba đêm như trong truyền thống. [xem thêm: Hoàng Thị Lan, 2021, 178].

Bên cạnh đó, lễ hội tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số cũng đang chuyển biến theo xu hướng giảm phần nghi lễ, gia tăng phần hội và dần trở thành những sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Một số lễ hội tín ngưỡng của các tộc người đã bị mai một, gián đoạn một thời gian dài nay được chính quyền các cấp quan tâm phục hồi (lễ hội Cúng cây chè tổ, Cúng rừng của người Hmông, Dao; Cúng bản mường của người Thái; Nhảy lửa của người Pà Thẻn; Rước mẹ lúa, Cầu mưa của người Khơ mú, Cúng bến nước, Mừng lúa mới của một số dân tộc ở khu vực Tây Nguyên,...). Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các lễ hội truyền thống nói trên tuy được khôi phục nhưng các yếu tố tín ngưỡng rất nhạt nhòa, không thu hút được sự quan tâm của người dân [Hoàng Thị Lan, 2021: 157-179]

2.2. Tiếp biến yếu tố tín ngưỡng ngoại lai

Từ sau năm 1975, về cơ bản, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã không còn những vùng cư trú riêng biệt. Quá trình cộng cư đan xen giữa các dân tộc đã tạo nên sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người, trong đó có sự tiếp biến niềm tin và thực hành tín ngưỡng. Ở những khu vực các dân tộc thiểu số sinh sống đan xen với nhau từ lâu đời, có sự tiếp biến, vay mượn lẫn nhau những sinh hoạt tín ngưỡng. Đặc biệt, ở nhiều khu vực thị trấn, thị tứ, nơi người dân tộc thiểu số sinh sống đan xen và có sự giao lưu nhiều với người Kinh thì nhiều hoạt động tín ngưỡng của người Kinh đã được tiếp biến vào đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số. Theo Nguyễn Ngọc Mai, nghi lễ Mạ hạ ngô của người Khơ mú, người Giáy ở khu vực miền núi phía Bắc đang dần nhập vào văn hoá, tín ngưỡng của người Thái; một số nghi lễ tín ngưỡng của các tộc người Tày, Nùng đang dần nhập vào văn hoá, tín ngưỡng của người Kinh. Bên cạnh đó, cũng có biểu hiện một số tín ngưỡng của người Kinh được tiếp biến, gia nhập vào tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số như: tín ngưỡng thờ Mẫu được đưa vào miếu thờ thần Hoàng Dìn Thùng của các dân tộc Nùng, La chí, Dao, Phù lá ở Cốc Pài, tỉnh Hà Giang [Nguyễn Ngọc Mai, 2018].

Với các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên, ý niệm về tổ tiên khá mờ nhạt. Người dân Tây Nguyên quan niệm, sau khi thực hiện nghi lễ bỏ mả, người chết có thể tái sinh trong một kiếp sống khác và

không còn liên hệ với người sống. Do đó, các tộc người Tây Nguyên không có tục thờ cúng tổ tiên và chăm sóc mộ phần. Tuy nhiên, hiện nay, một số nhóm người dân Tây Nguyên do sinh sống đan xen với người Kinh nên nhiều mộ phần của người dân tộc cũng được xây bằng xi măng cốt thép chắc chắn, trên mộ có gắn bia khắc tên người quá cố, có đặt bát hương để tiện hương khói chăm sóc mộ phần, nhà mộ được xây bằng gạch, được trang trí giống như khu mộ phần của người Kinh; ở một số nơi nghi lễ bỏ mả không còn được thực hiện, thay vào đó là việc chăm sóc mộ phần và thực hiện nghi lễ tảo mộ giống như người Kinh [Hoàng Thị Lan, 2021: 183-184].

Ở khu vực Nam Trung bộ, trong một số cộng đồng người Raglay, Cơ tu hiện nay, nghi lễ bỏ mả tuy vẫn còn được duy trì nhưng được coi như một dịp để người sống cầu an cho ông bà, tổ tiên hơn là cuộc chia tay vĩnh viễn của người sống với người chết như truyền thống. Bên cạnh đó, một số gia đình người Raglay (Ninh Thuận, Khánh Hòa) và một số ít người Ve (xã Đăk Pree, huyện Nam Giang, Quảng Nam) đã lập bàn thờ tổ tiên trong gia đình (các tộc người này vốn không có truyền thống thờ cúng tổ tiên) [Nguyễn Văn Minh, 2009: 361-362].

Các nghi lễ thờ cúng tổ tiên của dòng họ theo huyết thống dường như cũng được chú trọng hơn ở một số tộc người. Bên cạnh đó, một số nghi lễ tôn giáo cũng đang có xu hướng chuyển đổi theo ý nghĩa của tín ngưỡng dân gian. Lễ Ramurwan (diễn ra trước tháng chay của người Chăm Bàni) đã trở thành ngày lễ tảo mộ, tưởng nhớ tổ tiên; lễ hội Katê (của người Chăm theo Balamôn, nhằm tưởng nhớ, cầu xin các vị thần ban cho mưa thuận, gió hòa) cũng đang có xu hướng chuyển đổi thành ngày hội báo hiếu tổ tiên, ông bà.

Ở khu vực Nam bộ, tín ngưỡng thờ thần tài của người Hoa hiện nay được một bộ phận lớn người Kinh (đặc biệt là những người kinh doanh, làm ăn, buôn bán) tin theo và thực hành; nhiều cơ sở tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, thờ Quan Công,... của người Hoa hiện đang thu hút được rất nhiều người Kinh, người Khmer thăm viếng và thành tâm cúng lễ. Theo truyền thống, người Khmer có tục gửi tro cốt tổ tiên tại các tháp trong khuôn viên vườn chùa và tổ chức cúng tổ tiên trong ngày lễ hội chung của cả cộng đồng (lễ Sen Dolta), nhưng hiện nay, một số người Khmer có điều kiện kinh tế đã xây cất mộ phần tổ tiên ngay trong khuôn viên vườn nhà, lập bàn thờ và cúng giỗ tổ tiên như người Kinh [Hoàng Thị Lan, 2021: 178].

Những biểu hiện nêu trên cho thấy, sự tiếp biến các giá trị tín ngưỡng ngoại lai một mặt sẽ giúp bổ sung, làm giàu giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số, nhưng mặt khác cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm trong công tác bảo tồn giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống của các tộc người.

2.3. Biến động số lượng những người hành nghề tín ngưỡng truyền thống

Trong những thập niên gần đây, vì nhiều nguyên nhân, đội ngũ những người hành nghề tín ngưỡng truyền thống (các thầy mo, thầy cúng, thầy tào, thầy pụt,...) trong các dân tộc thiểu số có nhiều biến động lớn. Ở khu vực miền núi phía Bắc, sau một thời gian tương đối dài có sự sụt giảm đáng kể số lượng các thầy mo, thầy tào, những năm gần đây, với chủ trương của Đảng, Nhà nước về phục hồi văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, đội ngũ những người hành nghề tín ngưỡng truyền thống của nhiều tộc người đã dần được khôi phục. Nhiều người đã bỏ nghề mo nay hoạt động trở lại, nhiều người mặc dù chưa từng làm thầy mo, thầy cúng nhưng do gia đình có gốc làm mo, nay cũng gia nhập đội ngũ này để khôi phục nghề mo của gia đình. Vì thế, ở một số địa phương, số lượng các thầy mo, thầy tào, thầy cúng, thầy pụt đang có xu hướng dần gia tăng ở mức độ nhất định trong từng tộc người [Nguyễn Thị Yên, 2009: 180-182].

Ở khu vực Tây Nguyên, trong truyền thống, vai trò của đội ngũ thầy mo, thầy cúng rất được đề cao. Nhưng do một thời gian dài với nhiều biến động lịch sử, đội ngũ thầy mo, thầy cúng ở Tây Nguyên cũng suy giảm rất nhiều. Hiện nay, đội ngũ này tuy chưa mất hẳn nhưng thường hoạt động ở trong những khu vực nhỏ và thường rất ít khi công khai mình là thầy mo, thầy cúng. Do đó, hiện có rất ít thầy mo, thầy cúng hoạt động công khai, mặc dù họ vẫn có vai trò ở những mức độ quan trọng nhất định trong cộng đồng.

Ở khu vực Nam Trung bộ, theo truyền thống, hầu như buôn làng nào cũng đều có một vài thầy cúng chuyên nghiệp, nhất là trong cộng đồng người Chăm (theo thống kê của Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm, người Chăm có 41 chức danh hoạt động tín ngưỡng chuyên nghiệp). Tuy nhiên, cũng giống như ở các khu vực khác, sự suy giảm niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số làm cho đội ngũ những người hoạt động tín ngưỡng chuyên nghiệp ở khu vực này cũng ngày càng giảm sút đáng kể, trong khi giới trẻ hiện nay không còn tha thiết với sự lựa chọn nghề nghiệp này.

Kết luận

Như vậy, nhìn một cách tổng thể, đời sống tín ngưỡng của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay đang có những chuyển biến lớn theo xu hướng phai nhạt, suy giảm dần niềm tin và thực hành, cùng với sự tiếp biến các yếu tố ngoại lai và sự suy giảm đội ngũ những người hành nghề tín ngưỡng chuyên nghiệp. Sự chuyển biến trong đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số có mặt tích cực là đã loại bỏ dần những phong tục tập quán lạc hậu, gây cản trở sự phát triển của cộng đồng, nhưng mặt khác cũng đặt ra vấn đề về bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Những năm vừa qua, mặc dù được Nhà nước quan tâm phục hồi nhưng do đã bị gián đoạn một thời gian dài, do sự thay đổi lớn của môi trường sống cùng với cách thức khôi phục, bảo tồn chưa phù hợp nên nhiều nghi lễ, lễ hội tín ngưỡng tuy được phục hồi nhưng lại bị sai lệch so với truyền thống hoặc mất đi nhiều yếu tố đặc trưng, không thu hút được sự quan tâm của người dân. Do vậy, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số trong đa dạng văn hóa các dân tộc Việt Nam là yêu cầu lớn đang đặt ra cho hệ thống chính trị trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Quốc Anh (2006), *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Trần Văn Bính (Chủ biên, 2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Văn Bính (Chủ biên, 2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Văn Bính (Chủ biên, 2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam bộ: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Song Hà (2011), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Phạm Đăng Hiền, Nguyễn Văn Minh (2007), *Biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo và những tác động của nó tới đời sống của người Dao tỉnh Hà Giang*, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Viện, Viện Dân tộc học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Hà Nội.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay*, Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát (phiếu nhân dân), Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Mã số: CTDT.34.18/16-20, Hà Nội.
8. Hoàng Thị Lan (Chủ biên, 2021), *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

9. Lê Văn Lợi (Chủ nhiệm, 2015), *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Mai (Chủ nhiệm, 2018), *Biến đổi tôn giáo truyền thống trong phát triển bền vững ở Việt Nam*, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Minh (2009), *Tôn giáo tín ngưỡng của người Ve ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Xuân Phước (2011), *Nghi lễ đời người của người Jrai Thuần*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
13. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người H'Mông ở Việt Nam - Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
14. Sakaya (Trương Văn Món, 2014), *Sự biến đổi văn hóa và tôn giáo của người Raglai ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 5.
15. Ủy Ban Dân tộc – Tổng cục thống kê, *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế- xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê 2020.
16. Nguyễn Thị Kim Vân (2013), *Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahna, Jrai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

SOME CHANGES IN THE RELIGIOUS LIFE OF ETHNIC MINORITIES IN VIETNAM TODAY

Hoang Thi Lan

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Ethnic minority communities in Vietnam possess a remarkably rich spiritual and religious life. Fundamentally, the majority of these communities have polytheistic belief traditions. In recent decades, under the influence of various factors, the religious life of Vietnam's ethnic minorities has undergone significant changes in both belief and practice. This article provides an overview of the types of beliefs among ethnic minorities and outlines several transformations in their traditional religious beliefs and practices, focusing on three main aspects: the fading of traditional beliefs and practices, the acculturation of foreign religious elements, and changes in the roles of traditional religious practitioners.

Keywords: Cultural transformation, belief, ethnic minority